SeABank

BIỂU PHÍ SẢN PHẨM THẺ TÍN DỤNG SEABANK
(Có hiệu lực từ 01/05/2026)

M		DỊCH VỤ THẺ		Thẻ Tín dụng Visa/ MasterCard (1)								
				Hạng Chuẩn	Hạng vàng	Hạng Platinum	SeALady Cashback	SeA-Easy	BRG Elite	SeAGolf Platinum	SeATravel Platinum	Signature
I	Phí dịch vụ											
	1	**Phí phát hành** ***(chỉ áp dụng với thẻ mở mới, không áp dụng với KH trả lương, thẻ phát hành theo gói và thẻ phát hành qua kênh online)***	Thẻ chính	Miễn phí								
			Thẻ phụ	Miễn phí								
	2	**Phí thường niên/ phí sử dụng thẻ** (**)	Thẻ chính	330.000 VND	440.000 VND	990.000 VND	495.000 VND	440.000 VND	330.000 VND	2.200.000 VND		3.300.000 VND
			Thẻ phụ	330.000 VND	440.000 VND	990.000 VND	495.000 VND	440.000 VND	330.000 VND	Không áp dụng	1.100.000 VND	Miễn phí
	3	**Phí thay thế thẻ vật lý**	Thẻ chính	110.000 VND	110.000 VND	220.000 VND	110.000 VND	110.000 VND	110.000 VND	220.000 VND	220.000 VND	
			Thẻ phụ	110.000 VND	110.000 VND	220.000 VND	110.000 VND	110.000 VND	110.000 VND	không áp dụng	220.000 VND	
	4	**Phí gia hạn** *(bao gồm trường hợp khách hàng chủ động và SeABank chủ động)*		Miễn phí								
	5	**Phí thay thế thẻ vật lý khẩn cấp**	Thẻ chính	220.000 VND								Miễn phí
			Thẻ phụ	220.000 VND								
	6	**Phí cấp lại mật khẩu PIN/ E-PIN**		55.000 VND								
	7	**Phí thay thế thẻ và phát hành lại PIN cho khách hàng trong trường hợp thẻ bị nuốt**		Miễn phí								
	8	**Thông báo mất cắp/thất lạc thẻ** *(trường hợp khách hàng yêu cầu cập nhập lên Tổ chức thẻ)*		110.000 VND								
	9	**Khiếu nại** (*Áp dụng nếu khách hàng khiếu nại sai*)		110.000 VND								
	10	**Phí đóng thẻ (***)**		220.000 VND						550.000 VND	550.000 VND	2.200.000 VND
	11	**Cấp lại bản sao hóa đơn giao dịch (tại POS)**	Trong hệ thống	Không áp dụng								
			Ngoài hệ thống									
	12	**Phí cấp lại sao kê tại quầy**	Không có xác nhận Ngân hàng	11.000 VND								Miễn phí
			Có xác nhận Ngân hàng (1 lần tối đa 2 bản)	33.000 VND	55.000 VND	88.000 VND	55.000 VND	33.000 VND	33.000 VND	88.000 VND	88.000 VND	
	13	**Phí cấp phép giao dịch ngoài hạn mức (*)**		Miễn phí								
	14	**Phí chậm thanh toán (*)**		5.5% giá trị chậm thanh toán, tối thiểu 199.000 VND								
	15	**Phí thay đổi hạn mức tín dụng của thẻ (*)**		Miễn phí								Miễn phí
	16	**Phí thay đổi hạng thẻ**		110.000 VND			Không áp dụng					
	17	**Phí khóa, mở thẻ**		Miễn phí								
	18	**Phí thay đổi hạn mức giao dịch (*)**		Miễn phí								
	19	**Phí dịch vụ SMS** (Thu từ hạn mức tín dụng)		Miễn phí								
	20	**Phí trả thẻ tại nhà**		Miễn phí								
	21	**Phí nhận E-PIN**		Miễn phí								
	22	**Phí hoàn tiền dương từ thẻ tín dụng (dư có vượt hạn mức thẻ tín dụng)**		1.1 % số tiền Khách hàng yêu cầu hoàn lại tối thiểu 11.000 VND (với giá trị yêu cầu hoàn từ 100.000 VND trở lên)								
	23	**Phí xác nhận thông tin thẻ/ tất toán thẻ**		110.000 VND								

M	DỊCH VỤ THẺ			Thẻ Tín dụng Visa/ MasterCard (1)								
				Hạng Chuẩn	Hạng vàng	Hạng Platinum	SeALady Cashback	SeA-Easy	BRG Elite	SeAGolf Platinum	SeATravel Platinum	Signature
II	**Phí Giao dịch**											
	1	**Phí chuyển đổi ngoại tệ và xử lý giao dịch** *(Áp dụng cho các giao dịch bằng ngoại tệ)*		3.52%, tối thiểu 11.000 VND		1.65%, tối thiểu 11.000 VND	3.52%, tối thiểu 11.000 VND				1.65%, tối thiểu 11.000 VND	1.65%, tối thiểu 11.000 VND
	2	**Phí quản lý GD VNĐ tại các ĐVCNT nước ngoài**		1.65% giá trị giao dịch, tối thiểu 5.500 VND								
III	**Giao dịch tại ATM**											
	1	**ATM của SeABank**										
		1.1	Rút tiền	4.4% giá trị giao dịch, tối thiểu 110.000 VND								Miễn phí
		1.2	Truy vấn số dư	Miễn phí								
		1.3	Ứng tiền mặt vào tài khoản thanh toán của chính chủ thẻ tại SeABank	Không áp dụng								
		1.4	Đổi mật khẩu (PIN)	Miễn phí								Miễn phí
		1.5	In sao kê	2.200 VND								
	2	**ATM liên minh**										
		2.1	Rút tiền	4.4% giá trị giao dịch, tối thiểu 110.000 VND								Miễn phí
		2.2	Truy vấn số dư	5.500 VND								
		2.3	Ứng tiền mặt vào tài khoản thanh toán giữa hai tài khoản cùng hệ thống SeABank	Không áp dụng								
		2.4	Đổi mật khẩu (PIN)									
		2.5	In sao kê	5.500 VND/lần								Miễn phí
IV	**Giao dịch tại POS** (Điểm bán hàng/ Đại lý chấp nhận thẻ)											
	1	**POS của SeABank**										
		1.1	Thanh toán hàng hóa	Miễn phí								Miễn phí
		1.2	Truy vấn số dư	2.200 VND								
		1.3	In sao kê	Không áp dụng								
		1.4	Đổi PIN	Miễn phí								
	2	**POS liên minh**										
		2.1	Thanh toán hàng hóa	Miễn phí								
		2.2	Truy vấn số dư	Không áp dụng								
		2.3	In sao kê									

M		DỊCH VỤ THẺ	Thẻ Tín dụng Visa/ MasterCard (1)								
			Hạng Chuẩn	Hạng vàng	Hạng Platinum	SeALady Cashback	SeA-Easy	BRG Elite	SeAGolf Platinum	SeATravel Platinum	Signature
V	**Giao dịch qua Ebank/Ứng dụng hỗ trợ thanh toán**										
	1	Ứng tiền mặt vào tài khoản thanh toán của chính chủ thẻ tại SeABank	Không áp dụng								
	2	Thanh toán hóa đơn (Billing, QR,Topup…)	Miễn phí								
	3	Thanh toán QR									
	4	Thanh toán Dịch vụ hỗ trợ thanh toán trên ứng dụng Samsung Pay									
VI	**Phí dịch vụ trả góp (chỉ áp dụng cho thẻ tín dụng giao dịch tại đối tác liên kết)**										
	1	Phí thiết lập giao dịch trả góp	Miễn phí								
	2	Phạt chậm thanh toán trả góp (*)	5.5% giá trị chậm thanh toán, tối thiểu 110.000 VND								
VII	**Phí dịch vụ trả góp áp dụng cho thẻ tín dụng giao dịch ngoài đối tác liên kết.**										
	1	Phí thiết lập giao dịch trả góp (*) (****)	0.8% giá trị chuyển đổi trả góp * số tháng khách hàng đăng ký trả góp (áp dụng cho thẻ tín dụng SeABank)								
	2	Phạt chậm thanh toán trả góp (*)	5.5% giá trị chậm thanh toán, tối thiểu 110.000 VND								
VIII	**Phí Giao dịch rút tiền của thẻ quốc tế do Ngân hàng khác phát hành trên ATM của SeABank**										
	1	Thẻ VISA/MasterCard phát hành ngoài Việt Nam (bao gồm thẻ phát hành tại Châu Âu)	49.500 VND/giao dịch								Miễn phí
IX	**Phí dịch vụ nhận tiền chuyển đến qua hệ thống của Tổ chức thẻ**										
	1	Phí dịch vụ nhận tiền chuyển đến qua hệ thống của Tổ chức thẻ	1.1%/ giá trị giao dịch, tối thiểu 55.000 VND								

X. Ưu đãi phí dịch vụ thẻ SeABank áp dụng cho Khách hàng ưu tiên

1. Phí thường niên:
- Thẻ ghi nợ Visa Platinum (SeAPremium): Miễn phí thường niên trọn đời. Khi không còn là KHƯT, phí thường niên: 165.000 VND
- Các thẻ ghi nợ còn lại (trừ thẻ ghi nợ Visa Platinum): Miễn phí 01 năm đầu tiên. Mã ưu đãi: SEB-100-20170905 (Giam 100% phi TN 1 nam the SeABank tu khi mo the)
- Thẻ tín dụng (Chỉ áp dụng với hạng thẻ Chuẩn, vàng, Titanium, Signature riêng hạng Platinum chỉ áp dụng với thẻ Visa Platinum- VSPC): Miễn phí 01 năm đầu tiên. Mã ưu đãi: SEB-100-20170905 (Giam 100% phi TN 1 nam the SeABank tu khi mo the)

2. Phí thay thế thẻ vật lý: Miễn phí thay thế thẻ vật lý (làm lại thẻ cứng)

Lưu ý:

- Biểu phí này đã bao gồm thuế giá trị gia tăng, ngoại trừ các mục (*) Các phí không thu VAT, bao gồm: Phí cấp phép giao dịch ngoài hạn mức, phí phạt chậm thanh toán, phí thay đổi hạn mức tín dụng, phí thay đổi hạn mức giao dịch, phí phạt chậm thanh toán trả góp, phí trả nợ trước hạn trả góp.

- (**) Phí thường niên thu tại thời điểm phát hành thẻ (đối với thẻ ghi nợ) và tại thời điểm kích hoạt thẻ (đối với thẻ tín dụng), thời hạn phí thường niên được tính từ ngày T năm A đến hết ngày T -1 năm A+1 (A là năm phát hành thẻ). Đối với trường hợp phát hành lại thẻ do bị mất, phí thường niên sẽ được thu vào tháng phát hành lại thẻ mất từ các năm kế tiếp.
- (***) Chỉ áp dụng cho các thẻ đóng trước 12 tháng kể từ ngày mở thẻ và yêu cầu xuất phát từ khách hàng.
(****) Phí thiết lập trả góp sẽ được thu 01 lần ngay khi khách hàng đăng ký trả góp thành công và không được hoàn trả trong mọi trường hợp
- Đối với phí hoàn tiền dương từ thẻ tín dụng (dư có vượt hạn mức thẻ tín dụng): Chỉ thu phí này nếu yêu cầu xuất phát từ Khách hàng. Không áp dụng thu phí này với trường hợp Khách hàng yêu cầu hoàn tiền khi thẻ tín dụng đã đóng được 45 ngày và/ hoặc trường hợp Khách hàng được hoàn lại tiền sau khi tra soát liên quan đến thẻ tín dụng/ trường hợp SeABank thực hiện đóng thẻ chủ động của KH. Phân quyền cho cấp thẩm quyền từ GĐ ĐVKD trở lên được phê duyệt miễn/ giảm phí này
- Các trường hợp không đề cập đến thẻ Phụ thì mức phí được áp dụng như thẻ Chính của biểu phí này.
- Phí phát hành thẻ phụ thứ 2 trở đi: chỉ thu với thẻ phụ từ thứ 2 trở đi của chính loại thẻ đó (thẻ phụ từ thứ 2 trở đi không bao gồm thẻ phụ đã đóng)
- Phí quản lý giao dịch VND tại các ĐVCNT nước ngoài: thu ngay khi khách hàng phát sinh giao dịch VND tại các đơn vị chấp nhận thẻ nước ngoài bao gồm: Facebook, Google, TikTok. Giao dịch bị thu phí sẽ chứa nhóm ký tự (không phân biệt chữ hoa/ thường) theo quy định của SeABank.
- Trong trường hợp khách hàng phát hành lại thẻ do thẻ bị mất/ hoặc hư hỏng thẻ có cấp lại PIN sẽ được áp dụng đồng thời hai loại phí: Phí gia hạn/ thay thế thẻ vật lý và Phí cấp lại mật khẩu (PIN/e-PIN)
- Không thu phí phát hành lại thẻ trong trường hợp lỗi hệ thống, lỗi phát hành thẻ/ các trường hợp phát hành lại do SeABank chủ động chặn giao dịch thẻ/ khóa/ đóng thẻ,... nếu KH đủ điều kiện phát hành lại thẻ . Với thẻ BRG Elite, SeAGolf Hội viên: trường hợp phát sinh lỗi liên quan đến mã hội viên, Khách hàng sẽ được miễn phí phát hành lại thẻ
- Đối với các trường hợp hệ thống thu phí tự động thiếu, nếu được phát hiện, GDV của đơn vị mở thẻ sẽ thực hiện hạch toán thủ công khi hệ thống cho phép.
- Chi tiết phí trả góp tại đối tác liên kết sẽ theo quy định tại từng đối tác cụ thể